

BÁO CÁO

Công tác thanh tra; Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng, chống tham nhũng quý I năm 2022

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng quý I năm 2022, cụ thể như sau.

A. VỀ CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra chuyên ngành.

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo.

- Tổng số cuộc thực hiện 01 cuộc (*Cuộc thanh tra: 01 cuộc, cuộc kiểm tra: 0 cuộc; số cuộc triển khai từ kỳ trước chuyển sang: 0 cuộc, số cuộc triển khai trong kỳ: 01 cuộc, số cuộc thường xuyên: 0 cuộc, theo kế hoạch: 01 cuộc, đột xuất: 0 cuộc*);

- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công; lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; công tác đấu thầu, chỉ định thầu; công tác giám sát, đánh giá đầu tư công. Lĩnh vực kiểm tra: Không.

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 0 cuộc;

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra (*Đã ban hành kết luận*): 0 tổ chức, 0 cá nhân.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra.

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm: 0 tổ chức, 0 cá nhân;

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra:

+ Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm: 0 đồng; số tiền kiến nghị thu hồi (*Về ngân sách nhà nước, về tổ chức, đơn vị*): 0 đồng; số tiền kiến nghị xử lý khác: 0 đồng;

+ Về xử lý vi phạm: Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành: 0 quyết định (*Đối với tổ chức: 0 quyết định, cá nhân: 0 quyết định*); số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 0 đồng (*Của tổ chức: 0 đồng, của cá nhân:*

0 đồng); xử phạt bằng hình khác: 0 đồng (*Số tổ chức: 0 đồng, cá nhân 0 đồng*); chuyên cơ quan điều tra xử lý: Không (*Số vụ: 0 vụ, số đối tượng: 0 đối tượng*).

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra.

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế: 0 đồng (*số tiền vi phạm đã thu hồi: 0 đồng; số tiền vi phạm đã xử lý khác: 0 đồng*);

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính: 0 đồng (*số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: 0 đồng; số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác: 0 đồng*);

- Xử lý hình sự: Không (*số vụ: 0 vụ, số đối tượng đã khởi tố: 0 đối tượng*).

* Số liệu chi tiết được tổng hợp tại Biểu số 06/TTr, 07/TTr.

2. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

- Số văn bản (*Quản lý, chỉ đạo*) về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: 0 văn bản (*Vì cơ quan không có thẩm quyền, chức năng ban hành, sửa đổi, bãi bỏ văn bản thuộc lĩnh vực này*);

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được tổ chức: 0 lớp; tổng số người tham gia: 0 người.

* Số liệu chi tiết được tổng hợp tại Biểu số 02/QLNN.

3. Xây dựng lực lượng (Chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm - Biểu số 01/QLNN)

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra.

- Về ưu điểm: Thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã đề ra (*Về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề: Chưa phát sinh; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan: Chưa phát sinh*);

- Tồn tại, hạn chế, khuyết điểm: Không.

2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

- Về ưu điểm:

+ Việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham

những luôn luôn được lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định;

+ Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Cơ quan luôn có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu, rà soát các quy định để đề xuất cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành mới, điều chỉnh, sửa đổi, bãi bỏ kịp thời;

+ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Lãnh đạo Sở quan tâm tạo điều kiện để công chức liên quan tham dự tập huấn và chỉ đạo tổ chức thực hiện tuyên truyền phổ biến trong cơ quan;

+ Công tác tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Luôn tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch theo quy định;

+ Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra luôn được chú trọng, tạo điều kiện cho công chức liên quan tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, bồi dưỡng nâng ngạch, tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ kiến thức và trình độ về chính trị...;

+ Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành: Cơ quan luôn thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

- Tồn tại, hạn chế, khuyết điểm: Không.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra: Có vai trò lớn và quan trọng.

4. Nguyên nhân của những ưu điểm, của tồn tại, hạn chế, khuyết điểm (*Chủ quan, khách quan*).

Nguyên nhân của những ưu điểm: Lãnh đạo, cán bộ, công chức liên quan đều có trách nhiệm, năng lực trong việc thực hiện nhiệm vụ; quy định pháp luật cơ bản chi tiết, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu để áp dụng thực hiện.

5. Bài học kinh nghiệm (*Chỉ áp dụng đối với báo cáo hằng năm*).

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) TRONG KỲ TIẾP THEO

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành 01 cuộc thanh tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 (*Hiện tại đang triển khai, thực hiện*);

- Triển khai thực hiện 01 cuộc thanh tra theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 của cơ quan;

- Triển khai, thực hiện 01 đợt kiểm tra doanh nghiệp theo theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 của cơ quan;

- Triển khai 01 đợt kiểm tra các Dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước của các nhà đầu tư theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 của cơ quan.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu ban hành mới, hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật còn sơ hở, bất cập phát hiện qua thanh tra (*Nêu rõ cụ thể văn bản và nội dung kiến nghị*): Không;

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra, kiểm tra (*Nếu có vướng mắc*): Không;

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra: Không;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất: Không.

B. VỀ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo.

Tình hình khiếu nại, tố cáo: Không xảy ra; những yếu tố ảnh hưởng (*Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội*): Không.

a) Về khiếu nại: Tình hình khiếu nại: Không xảy ra, so sánh cùng kỳ năm trước: Không biến động (*Không tăng, không giảm*); tỉ lệ đơn khiếu nại của từng lĩnh vực: Không.

b) Về tố cáo: Tình hình tố cáo: Không xảy ra; so sánh cùng kỳ năm trước: Không biến động (*Không tăng, không giảm*); tỉ lệ đơn tố cáo của từng lĩnh vực: Không.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo: Không.

- Nguyên nhân chủ quan: Không;

- Nguyên nhân khách quan: Không.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân.

a) Kết quả tiếp công dân.

Tổng số lượt tiếp: 0 lượt, số người được tiếp: 0 người; số vụ việc: 0 vụ (*Tiếp lần đầu: 0 vụ, tiếp nhiều lần: 0 vụ*); số đoàn đông người được tiếp: 0 đoàn (*số đoàn: 0 đoàn, số người: 0 người, tiếp lần đầu: 0 lần, tiếp nhiều lần: 0 lần*).

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân.

- Phân loại theo nội dung (*Tổng số đơn, số vụ việc*):

- + Khiếu nại: tổng số đơn: 0 đơn, số vụ việc: 0 vụ việc;
- + Tố cáo: tổng số đơn: 0 đơn, số vụ việc: 0 vụ việc;
- + Phản ánh, kiến nghị: tổng số đơn: 0 đơn, số vụ việc: 0 vụ việc.
- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:
- + Thuộc thẩm quyền *Số đơn, số vụ việc*): tổng số đơn: 0 đơn, số vụ việc: 0 vụ việc;
- + Không thuộc thẩm quyền (*Số đơn, số vụ việc*) tổng số đơn: 0 đơn, số vụ việc: 0 vụ việc.

* Số liệu chi tiết được tổng hợp tại Biểu số 01/TCD, 02/TCD.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn.

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (*Người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định, ...*).

a) Tổng số đơn: Kỳ trước chuyển sang, tiếp nhận trong kỳ.

- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận: 0/0;
- Số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: 0 đơn, 0 vụ việc.

b) Phân loại, xử lý đơn.

- Phân loại theo nội dung:

- + Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 0 đơn, 0 vụ việc;
- + Số đơn, số vụ việc tố cáo: 0 đơn, 0 vụ việc;
- + Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 0 đơn, 0 vụ việc;
- Phân loại theo tình trạng giải quyết.
- + Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 0 đơn, 0 vụ việc;
- + Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 0 đơn, 0 vụ việc;
- + Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 0 đơn, 0 vụ việc.

c) Kết quả xử lý đơn.

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 0 đơn, 0 vụ việc;
- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 0 đơn, 0 vụ việc.

* Số liệu chi tiết được tổng hợp tại Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (*Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ*).

Tổng số đơn, số vụ việc (*Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*) đã giải quyết/ tổng số đơn, số vụ việc (*Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*) phải giải quyết: Tổng số đơn đã giải quyết/ tổng số đơn phải giải quyết: 0 đơn/0 đơn; và

Tổng số vụ việc đã giải quyết/ tổng số vụ việc phải giải quyết: 0 vụ/0 vụ; tỷ lệ giải quyết đơn là 0/0 và vụ việc là 0/0.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại.

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết: 0 đơn, 0 vụ việc đã giải quyết/0 đơn, 0 vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết là 0/0;

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra: 0 quyết định;

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: Không phát sinh vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2;

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại (*Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố...*): Không phát sinh quyết định giải quyết khiếu nại.

* Số liệu chi tiết được tổng hợp tại Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ.

b) Kết quả giải quyết tố cáo.

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết:

+ Tổng số đơn đã giải quyết/tổng số đơn phải giải quyết: 0 đơn/0 đơn;

+ Tổng số vụ việc đã giải quyết/tổng số vụ việc phải giải quyết: 0 vụ việc/0 vụ việc;

+ Tỷ lệ giải quyết: 0/0.

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, ...: Không phát sinh tố cáo;

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: Không phát sinh tố cáo;

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo (*số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, ...*): Không phát sinh tố cáo.

* Số liệu chi tiết được tổng hợp tại Biểu số 03/KQGQ, 04/KQGQ.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (*Nếu có*).

Tổng số vụ việc/nội dung kiến nghị, phản ánh số vụ việc/nội dung đã giải quyết; ..., tổng hợp một số kết quả cụ thể (*Nếu có*): Không phát sinh giải quyết kiến nghị, phản ánh.

4. Bảo vệ người tố cáo (*Nếu có*): Không có.

Tổng số người được bảo vệ (*Người tố cáo, thân nhân của người tố cáo*): 0 người; trong đó: số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm: 0 người; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm: 0 người.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Kịp thời, đảm bảo quy định.

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Số văn bản ban hành mới, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ: 0 văn bản;

- Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo: Không có (*Số lớp: 0 lớp, số người: 0 người*).

c) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm (*Tổng số cuộc, tổng số đơn vị được thanh tra, kiểm tra, số đơn vị có vi phạm*), kiến nghị xử lý trách nhiệm (*Hành chính, chuyển cơ quan điều tra*): 0 kết luận; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý: Không có; Tổng số kết luận thực hiện, kết quả thực hiện: Không có (*Số tổ chức, cá nhân đã xử lý hành chính, khởi tố: 0 tổ chức, 0 cá nhân*).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện các quy định, chỉ đạo của cấp trên; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và Nhân dân; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; công tác xây dựng lực lượng; việc ứng dụng công nghệ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...: Tốt.

2. Tồn tại, hạn chế (*Đánh giá tồn tại, hạn chế và khuyết điểm (nếu có) về các nội dung đã nêu ở phần ưu điểm*): Không.

3. Nguyên nhân (*Nguyên nhân khách quan, chủ quan của những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm*): Không.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH (*Nêu dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo; những lĩnh vực, vấn đề, nội dung cụ thể có thể là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo trong thời gian tiếp theo*): Tình hình khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới sẽ ít xảy ra.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO (*Nêu phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo*).

Chủ động thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ báo cáo tiếp theo đảm bảo kịp thời, đầy đủ và đúng quy định.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo và hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (*Nếu phát hiện có sơ hở, bất cập*): Không;

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo (*Nếu có vướng mắc*): Không;

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không;

- Các nội dung kiến nghị, đề xuất khác: Không.

Trên đây là Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Kon Tum về công tác thanh tra; Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng, chống tham nhũng quý I năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ KH-ĐT (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (b/c);
- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Ban tiếp dân tỉnh (b/c);
- Lưu VT, TT, NHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Tùng